

1. Lý luận của CN.Mác Lênin về hàng hóa sức lao động trong chủ nghĩa tư bản (Vận dụng hàng hóa sức lao động trong sự phát triển thị trường lao động ở Việt Nam hiện nay)

Con người được đặt ở vị trí trung tâm nên việc phát triển thị trường hàng hóa sức lao động sao cho hợp lý là một nhu cầu cấp thiết đối với nền kinh tế Việt Nam hiện nay. Lý luận về loại hàng hóa đặc biệt – sức lao động theo chủ nghĩa Mác đã cung cấp thêm nhiều luận điểm khoa học, toàn diện và biện chứng. Trên cơ sở đó, tạo lý luận tiền đề vững chắc cho việc lý giải và áp dụng vào thực tiễn xã hội những giải pháp nhằm ổn định và phát triển thị trường của loại hàng hóa đặc biệt này và các vấn đề liên quan tới nó. Ở Việt Nam thì ở thời kì đổi mới do Đảng Cộng Sản lãnh đạo, vấn đề hàng hóa sức lao động không chỉ là về kinh tế mà còn về chính trị. Đặc biệt là trong thời kì quá độ đi lên Chủ nghĩa xã hội như hiện nay. Vậy đầu tiên ta hãy tìm hiểu hàng hóa sức lao động là gì?

Sức lao động, theo C. Mác, sức lao động là toàn bộ thể lực và trí lực ở trong thân thể, trong nhân cách một con người, thể lực và trí lực mà con người đem ra vận dụng để sản xuất ra những sản phẩm có giá trị sử dụng. Trong bất cứ xã hội nào, sức lao động cũng là điều kiện cơ bản của sản xuất nhưng không phải trong bất kì điều kiện nào, sức lao động cũng là hàng hóa. Sức lao động chỉ có thể trở thành hàng hóa khi nó mang những điều kiện sau: Thứ nhất, người lao động phải được tự do về thân thể, làm chủ sức lao động của mình, và có quyền bán sức lao động của mình như một hàng hóa. Thứ hai, người có sức lao động phải bị tước đoạt hết mọi tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt, họ trở thành người “vô sản”. Để tồn tại, người đó buộc phải bán sức lao động của mình để kiếm sống.

Hàng hóa sức lao động có hai thuộc tính giá trị và giá trị sử dụng. Giá trị của hàng hóa sức lao động cũng do số lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động quyết định giá trị của hàng hóa. Sức lao động chỉ tồn tại như năng lực con người sống, muốn tái sản xuất ra năng lực nào đó người lao động cần phải tiêu dùng một lượng tư liệu sinh hoạt nhất định. Chính vì vậy thời gian lao động xã hội cần thiết để tái sản xuất ra sức lao động sẽ được quy thành thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt ấy. Giá trị của hàng hóa sức lao động và do các bộ phận sau đây hợp thành: Một là giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết cả vật chất và tinh thần để tái sản xuất ra sức lao động. Hai là phí tổn đào tạo người lao động. Ba là giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết vật chất và tinh thần nuôi con của người lao động bao gồm có hai xu hướng là xu hướng tăng và xu hướng giảm nếu đúng theo nguyên tắc ngang giá trong nền kinh tế thị trường thì giá cả của hàng hóa sức lao động. Thuộc tính thứ hai của hàng hóa sức lao động là giá trị sử dụng của hàng hóa. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động là công cụ của nó để thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng sức lao động của người sử dụng sức lao động. Khác với hàng hóa thông thường (sau một thời gian tiêu dùng sẽ mất đi giá trị và giá trị sử dụng theo thời gian) thì hàng hóa sức lao động, khi được tiêu dùng, ngoài việc sản xuất ra một loại hàng hóa nào đó thì đồng thời nó cũng tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó. Phần giá trị lớn hơn đó được gọi là giá trị thặng dư.

Đây là điểm cơ bản nhất của hàng hóa sức lao động. Và giá trị thặng dư chính là do

hao phí sức lao động mà có đó cũng chính là chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn công thức chung của tư bản.

Ở thời kì quá độ lên Chủ nghĩa xã hội của Việt Nam hiện nay thì hàng hóa sức lao động là vấn đề bức thiết hơn bao giờ hết. Và ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường lao động ở Việt Nam. Vậy thị trường lao động là gì?. Thị trường sức lao động (Thị trường lao động) là một bộ phận của hệ thống thị trường, trong đó diễn ra quá trình trao đổi giữa một bên là người lao động tự do và một bên là người có nhu cầu sử dụng lao động. Sự trao đổi này được thoả thuận trên cơ sở mối quan hệ lao động như tiền lương, tiền công, điều kiện làm việc... thông qua một hợp đồng làm việc bằng văn bản hay bằng miệng. Từ năm 1986 Đảng và Nhà nước ta đã chính thức công nhận sức lao động là một loại hàng hoá, cho nên việc xây dựng thị trường sức lao động là tất yếu. Đảng ta cũng nhấn mạnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là vấn đề cốt lõi, trọng tâm của Đảng và hàng hóa sức lao động là điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế công nghiệp, kinh tế thị trường. Trong thời gian qua việc phát triển thị trường lao động nước ta đã thu được những thành quả nhất định, làm cơ sở cho việc hoàn thiện quan hệ lao động, phát triển kinh tế – xã hội. Với sự tồn tại nhiều hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất, yêu cầu phát triển đồng bộ các loại thị trường khác nhau đã góp phần phân bổ hợp lý, nhanh chóng, có hiệu quả các nguồn lực trong nền kinh tế tạo điều kiện cho hàng hoá sức lao động và thị trường lao động. Về mặt phát triển kinh tế, Việt Nam đang chuyển từ sản xuất hàng hoá giản đơn lên sản xuất hàng hoá Xã hội chủ nghĩa, trong đó có vận dụng những thành tựu của sản xuất hàng hoá Tư bản chủ nghĩa. Yếu tố cơ bản để phân biệt sản xuất hàng hoá TBCN với sản xuất hàng hoá theo định hướng XHCN là khả năng phát huy vai trò tạo ra giá trị lớn hơn giá trị bản thân của hàng hoá sức lao động. Đây là vấn đề then chốt trong việc vận dụng lý luận hàng hoá sức lao động của C. Mác để có thể xây dựng một quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN tốt đẹp hơn quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường TBCN. Nguồn cung lao động là tổng số lượng lao động tự nguyện đem vào quá trình tái sản xuất xã hội. Được xem xét dưới hai góc độ là số lượng và chất lượng lao động. Thứ nhất, về số lượng lao động. Nước ta có nguồn lao động hết sức dồi dào, đặc biệt là lao động trẻ. Theo số liệu thống kê của Tổng cục thống kê thì đến hết năm 2010 dân số Việt Nam là 86.927.700 người. Trong đó số người trong độ tuổi lao động là 50.392.900 người, mức tăng trung bình hàng năm là 2,3% So với tốc độ tăng dân số (1,7%/năm) thì tốc độ tăng dân số trong độ tuổi lao động cao hơn nhiều. Lực lượng lao động nước ta khá đông đảo nhưng có sự phân bố không đồng đều giữa thành thị và nông thôn; giữa đồng bằng, ven biển và miền núi; không đồng đều giữa các cầu lao động trong các ngành kinh tế. Hiện nay ở Việt Nam cung về sức lao động đang vượt quá cầu và sẽ còn tiếp tục vượt trong tương lai, điều đó tạo ra một áp lực rất lớn về việc làm cho dân cư. Hàng năm cung sức lao động tăng từ 3,2% đến 3,5%, như vậy mỗi năm chúng ta sẽ có thêm khoảng 1,3 đến 1,5 triệu người đến độ tuổi lao động.

Đó là hậu quả của việc bùng nổ dân số trong những năm vừa qua. Đây là những bất cập ngày càng lớn giữa quy mô chung và cấu trúc “cung-cầu” sức lao động trên thị trường lao động. Thứ hai, về chất lượng lao động Lao động nước ta cần cù, chịu khó, luôn sáng tạo, có tinh thần ham học hỏi, kinh nghiệm tích lũy qua nhiều thế hệ (đặc biệt trong các ngành truyền thống như Nông – lâm – ngư nghiệp). Chất lượng lao

động ngày càng được nâng cao nhờ những thành tựu phát triển trong văn hóa, giáo dục và y tế, theo báo cáo cho thấy từ năm 1996 đến năm 2005 chất lượng lao động tăng từ 12,3% đến 25% . Đặc biệt lao động nước ta chủ yếu lao động trẻ, năng động, nhạy bén và tiếp thu nhanh khoa học kĩ thuật. Tuy nhiên, chất lượng lao động nước ta vẫn còn nhiều hạn chế. Về mặt sức khỏe, thể lực của người kém xa so với các nước trong khu vực. Về tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của chúng ta hiện nay còn rất thấp. Theo Tổng cục thống kê năm 2005 tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo chiếm 75%, con số này ở mức rất cao. Mặc dù cả nước có khoảng 1.300 trường cao đẳng, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề nhưng chất lượng đào tạo chưa đạt chuẩn quốc tế, chương trình giảng dạy không phù hợp, chưa đáp ứng được yêu cầu cho các khu công nghiệp, khu chế xuất và cho xuất khẩu lao động. Hơn nữa có một sự chênh lệch rất lớn giữa tỷ lệ lao động đã qua đào tạo giữa thành thị và nông thôn. Trong khi ở thành thị là 30.6% thì ở nông thôn chỉ chiếm 8.5% (năm 2010). Vậy nhà nước đã làm thế nào để vận dụng hàng hóa sức lao động để cải thiện thị trường lao động ở Việt Nam? Phát triển nguồn cung lao động: Nâng cao chất lượng và trình độ người lao động là một giải pháp quan trọng nhằm phát triển nguồn cung cho thị trường hàng hóa sức lao động. Trước hết, cần tập trung phát triển mạnh hệ thống trung học chuyên nghiệp, dạy nghề theo hướng đồng bộ về cơ cấu, ưu tiên các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ cao như năng lượng, vi điện tử, tự động hóa, công nghệ sinh học... Đồng thời, có các chính sách thu hút nhân tài, đãi ngộ giáo viên, cơ chế ưu đãi để khuyến khích các thành phần kinh tế, tổ chức cá nhân tham gia vào công tác đào tạo, chuyển đổi nghề cho người lao động. Phát triển nguồn cầu lao động: Thứ nhất, giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động. Như chúng ta có thể thấy hiện nay tình trạng sinh viên khi ra trường lại thất nghiệp là cực kì nhiều. Nhiều lao động đã chọn lựa xa quê hương để xuất khẩu lao động sang nước bạn . Đây được xem là vấn đề cấp thiết, nóng bỏng đặt ra cho Đảng, Nhà nước ta. Thứ hai, nhanh chóng sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước theo hướng cổ phần hóa, tập trung đầu tư theo chiều sâu ở vốn và công nghệ, hiện đại hóa thiết bị công nghệ, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh để phát triển và thu hút lao động. Thứ ba, thực hiện các chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Hoàn thiện chính sách tiền công, tiền lương: Để đảm bảo cuộc sống cho người lao động, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, tạo điều kiện để người lao động phát huy hết khả năng của mình, thị trường lao động Việt Nam nên áp dụng những giải pháp sau: Tăng lương tối thiểu cho người lao động; cần thêm những động thái tích cực nhằm kích cầu tiêu dùng; tăng khoảng cách giữa các bậc liên kề trong bảng lương; hoàn thiện chính sách tiền lương, tiền công theo hướng thị trường; cần có chế độ, chính sách về tiền lương và phụ cấp đối với cán bộ, công chức cơ sở cho phù hợp sự phát triển kinh tế thị trường; Xây dựng môi trường pháp lý, nâng cao năng lực cạnh tranh, vai trò quản lý của Nhà nước; hoàn thiện môi trường pháp lý, gắn cái cách tiền lương với cái cách kinh tế, tạo sự gắn kết đồng bộ giữa các loại thị trường để thúc đẩy nhau phát triển lành mạnh. Đầu tư xây dựng một trung tâm giao dịch lao động đạt tiêu chuẩn khu vực với trang thiết bị hiện đại. Đây sẽ là đầu mối cung cấp các thông tin đầy đủ nhất về cung – cầu lao động trên thị trường. Ngoài ra, một hệ thống thông tin bao gồm hướng nghiệp dạy nghề; dịch vụ việc làm; thông kê thị trường lao động... cũng sẽ được thiết lập từ thành phố đến từng quận, huyện và xã,

phường nhằm cung cấp thông tin về việc làm nhanh chóng và chuẩn xác nhất cho người lao động

Đó chính là những biện pháp để vận dụng hàng hóa sức lao động vào thị trường lao động ở Việt Nam. Cân bằng số lượng và chất lượng của lao động.

2. Nội dung và tác dụng của quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hóa (Liên hệ với thực tiễn phát triển nền kinh tế hàng hóa ở nước ta hiện nay).

Chủ nghĩa Mác – Lênin là thành tựu tư tưởng vĩ đại của nhân loại do C. Mác và Ph.Ăngghen đặt nền móng. Ngày nay, nhiều nước trên thế giới đã và đang vận dụng những thành tựu vĩ đại này để phát triển kinh tế xã hội. Và một trong những nội dung quan trọng của chủ nghĩa Mác Lênin là quy luật giá trị. Và quy luật này đã được Đảng và nhà nước ta vận dụng vào nền kinh tế hàng hóa hiện nay.

Quy luật giá trị là quy luật căn bản của sản xuất và trao đổi hàng hoá. Ở đâu có sản xuất và trao đổi hàng hoá thì ở đó có sự tồn tại và phát huy tác dụng của quy luật giá trị. Yêu cầu chung của quy luật giá trị là việc sản xuất và trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở hao phí sức lao động xã hội cần thiết. Yêu cầu của quy luật giá trị: Thứ nhất, theo quy luật này, sản xuất hàng hóa được thực hiện theo hao phí lao động xã hội cần thiết, nghĩa là cần tiết kiệm lao động (cả lao động quá khứ và lao động sống) nhằm: đối với một hàng hóa thì giá trị của nó phải nhỏ hơn hoặc bằng thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó, tức là giá cả thị trường của hàng hóa. Thứ hai, trong trao đổi phải tuân theo nguyên tắc ngang giá, nghĩa là phải đảm bảo bù đắp được chi phí của người sản xuất (tất nhiên chi phí đó phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết, chứ không phải bất kỳ chi phí cá biệt nào) và đảm bảo có lãi để tái sản xuất mở rộng. Sự tác động, hay biểu hiện sự hoạt động của quy luật giá trị được thể hiện thông qua sự vận động của giá cả hàng hoá. Vì giá trị là cơ sở của giá cả, còn giá cả là sự biểu hiện bằng tiền của giá trị, nên trước hết giá cả phụ thuộc vào giá trị. Trên thị trường, ngoài giá trị, giá cả còn phụ thuộc vào các nhân tố khác như: cạnh tranh, cung - cầu, sức mua của đồng tiền. Sự tác động của các nhân tố này làm cho giá cả hàng hoá trên thị trường tách rời giá trị và lên xuống xoay quanh trục giá trị của nó. Sự vận động giá cả thị trường của hàng hoá xoay quanh trục giá trị của nó hình là cơ chế hoạt động của quy luật giá trị. Thông qua sự vận động của giá cả thị trường mà quy luật giá trị phát huy tác dụng. Tác động của quy luật giá trị. Thứ nhất, điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá. Điều tiết sản xuất tức là điều hòa, phân bổ các yếu tố sản xuất giữa các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế. Tác dụng này của quy luật giá trị thông qua sự biến động của giá cả hàng hoá trên thị trường dưới tác động của quy luật cung cầu. Nếu ở ngành nào đó khi cung nhỏ hơn cầu, giá cả hàng hoá sẽ lên cao hơn giá trị, hàng hoá bán chạy, lãi cao, thì người sản xuất sẽ đổ xô vào ngành ấy. Do đó, tư liệu sản xuất và sức lao động được chuyển dịch vào ngành ấy tăng lên. Ngược lại, khi cung ở ngành đó vượt quá cầu, giá cả hàng hoá giảm xuống, hàng hoá bán không chạy và có thể lỗ vốn. Tình hình ấy buộc người sản xuất phải thu hẹp quy mô sản xuất lại hoặc chuyển sang đầu tư vào ngành có giá cả hàng hoá cao. Điều tiết lưu thông của quy luật giá trị cũng thông qua giá cả trên thị trường. Sự biến động của giá cả thị trường

cũng có tác dụng thu hút luồng hàng từ nơi giá cả thấp đến nơi giá cả cao, do đó làm cho lưu thông hàng hoá thông suốt. Thứ hai, kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, thúc đẩy lực lượng sản xuất xã hội phát triển. Trong nền kinh tế hàng hoá, mỗi người sản xuất hàng hoá là một chủ thể kinh tế độc lập, tự quyết định hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình. Nhưng do điều kiện sản xuất khác nhau nên hao phí lao động cá biệt khác nhau, người sản xuất nào có hao phí lao động cá biệt nhỏ hơn hao phí lao động xã hội của hàng hoá ở thế có lợi, sẽ thu được lãi cao. Người sản xuất nào có hao phí lao động cá biệt lớn hơn hao phí lao động xã hội cần thiết sẽ ở thế bất lợi, lỗ vốn. Để giành lợi thế trong cạnh tranh và tránh nguy cơ vỡ nợ, phá sản, họ phải hạ thấp hao phí lao động cá biệt của mình, sao cho bằng hao phí lao động xã hội cần thiết. Muốn vậy, họ phải luôn tìm cách cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức quản lý, thực hiện tiết kiệm chặt chẽ, tăng năng suất lao động. Sự cạnh tranh quyết liệt càng thúc đẩy quá trình này diễn ra mạnh mẽ hơn, mang tính xã hội. Thứ ba, thực hiện sự lựa chọn tự nhiên và phân hóa người lao động thành kẻ giàu người nghèo. Quá trình cạnh tranh theo đuổi giá trị tất yếu dẫn đến kết quả là: những người có điều kiện sản xuất thuận lợi, có trình độ, kiến thức cao, trang bị kỹ thuật tốt nên có hao phí lao động cá biệt thấp hơn hao phí lao động xã hội cần thiết, nhờ đó phát tài, giàu lên nhanh chóng. Họ mua sắm thêm tư liệu sản xuất, mở rộng sản xuất, kinh doanh. Ngược lại, những người không có điều kiện thuận lợi, làm ăn kém cỏi, hoặc gặp rủi ro trong kinh doanh nên bị thua lỗ dẫn tới phá sản trở thành nghèo khó. 3. Liên hệ với phát triển kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay. - Trong lĩnh vực sản xuất. Thứ nhất, đối với việc hoạch toán kinh tế của các doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường ở nước ta, mỗi doanh nghiệp để đứng vững được trên thị trường, chiến thắng đối thủ cạnh tranh thì họ phải tính đến hiệu quả sản xuất kinh doanh thông qua các hình thức giá trị, giá cả, lợi nhuận, chi phí... Để có lợi nhuận, các doanh nghiệp phải tìm cách hạ thấp chi phí sản xuất bằng cách hợp lý hóa sản xuất, tiết kiệm chi phí vật chất, tăng năng suất lao động... Thứ hai, đối với việc hình thành giá cả sản xuất. Thời kỳ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, tất cả giá cả các mặt hàng đều do Chính phủ kiểm soát. Tuy nhiên, trên thực tế giá cả hàng hóa chịu tác động của nhiều yếu tố như cung - cầu, cạnh tranh, sức mua đồng tiền, giá các mặt hàng liên quan... không thể giữ giá theo ý muốn chủ quan của Nhà nước. - Trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa. Trong lĩnh vực lưu thông, quy luật giá trị yêu cầu trao đổi phải theo nguyên tắc ngang giá, tức giá cả bằng giá trị. Dưới tác động quy luật giá trị, hàng hóa trong nền kinh tế sẽ được đưa từ nơi có giá cả thấp đến nơi có giá cả cao, từ nơi cung nhiều đến nơi cầu nhiều. Thông qua sự biến động về giá cả trên thị trường, luồng hàng hóa sẽ lưu thông từ đó tạo sự cân đối về nguồn hàng giữa các vùng miền.

Câu 3 : Những ưu thế của nền kinh tế thị trường (Liên hệ với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN)

Kinh tế thị trường theo định hướng XHCN là một trong những sự đột phá trong tư duy và thực tiễn lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam. Đây là một vấn đề lý luận

hết sức mới mẻ và phức tạp, gần bỏ giữa việc nhận thức quy luật khách quan với phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam; là kết quả một quá trình tìm tòi, thử nghiệm lâu dài, từ chưa đầy đủ đến ngày càng đầy đủ, từ chưa sâu sắc đến ngày càng sâu sắc hơn. Vậy kinh tế thị trường là gì?

Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế được vận hành theo cơ cấu thị trường. Đó là nền kinh tế hàng hóa phát triển cao, ở đó mọi quan hệ sản xuất và trao đổi đều được thông qua thị trường, chịu sự tác động, điều tiết của các quy luật thị trường. đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập một xã hội mà ở đó dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, có sự điều tiết của Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Sự hình thành kinh tế thị trường kinh tế thị trường là khách quan trong lịch sử, từ kinh tế tự nhiên, tự túc, kinh tế hàng hóa rồi từ kinh tế hàng hóa phát triển thành kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường cũng trải qua ở những giai đoạn phát triển khác nhau từ kinh tế thị trường sơ khai đến kinh tế thị trường hiện đại như ngày hôm nay. Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại. Tại Đại hội IX (năm 2001), Đảng ta chính thức đưa ra khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, coi đó là mô hình tổng quát, là đường lối chiến lược nhất quán của Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đến nay, đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xác định ngày càng sâu sắc.

Vậy nền kinh tế thị trường có những đặc trưng chủ yếu nào ? Thứ nhất có sự đa dạng của các chủ thể kinh tế, nhiều hình thức sở hữu. Các chủ thể kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật. Trước đổi mới, nền kinh tế nước ta chỉ có một chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất là chế độ công hữu (gồm sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể). Từ khi tiến hành đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam thừa nhận trên thực tế có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, bao gồm cả công hữu và tư hữu. Thứ hai thị trường sẽ đóng vai trò quyết định, phân bổ các nguồn lực xã hội thông qua hoạt động của các bộ phận như thị trường hàng hóa, thị trường dịch vụ, thị trường sức lao động, thị trường tài chính, thị trường bất động sản.... Thực hiện phân phối theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, dựa trên các nguyên tắc của cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, từ chỗ coi Nhà nước là chủ thể quyết định phân phối chuyển dần sang xác định thị trường quyết định phân phối lần đầu và Nhà nước thực hiện phân phối lại. Thứ ba giá cả sẽ được hình thành theo nguyên tắc thị trường, cạnh tranh là môi trường thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh. Động lực trực tiếp của các chủ thể kinh doanh là lợi nhuận và lợi ích kinh tế xã hội khác. Nhà nước vừa là chủ thể thực hiện chức năng kinh tế, quản lý, thực hiện khắc phục những khuyết tật của thị trường thúc đẩy những yếu tố tích cực đảm bảo sự bình đẳng xã hội và sự ổn định của toàn bộ nền kinh tế. Kết hợp giữa cơ chế thị trường với vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tại Hội nghị Trung ương 6 khóa X, tháng 3-2008, Đảng ta khẳng định, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế vừa tuân theo quy luật của thị trường, vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội và các yếu tố bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây cũng là nền kinh tế có tổ chức, có kế hoạch, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vừa phát huy những ưu thế

của kinh tế thị trường và kinh tế kế hoạch, vừa loại bỏ những khuyết tật của hai nền kinh tế đó, nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội. Nhà nước quản lý bằng chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch; sử dụng cơ chế thị trường để giải phóng sức sản xuất. Nhà nước ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm định hướng và tạo môi trường pháp lý cho sự phát triển các thành phần kinh tế và các chủ thể kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, không phải thị trường điều tiết hoàn toàn mà còn có sự điều chỉnh, quản lý của Nhà nước để đạt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, khắc phục những bất cập, khuyết tật của cơ chế thị trường. Thứ tư đó là nền kinh tế mở, thị trường trong nước quan hệ mật thiết với thị trường quốc tế.

Một trong những ưu thế của nền kinh tế thị trường là tạo động lực mạnh mẽ để thúc đẩy sự sáng tạo của các chủ thể kinh tế. Thông qua vai trò của thị trường mà nền kinh tế thị trường trở thành phương thức hữu hiệu kích thích sự sáng tạo trong hoạt động của các chủ thể kinh tế, tạo hoạt động thuận lợi cho hoạt động tự do của họ, qua đó, thúc đẩy tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả sản xuất, làm cho nền kinh tế hoạt động năng động hiệu quả. Tạo ra môi trường rộng mở cho các mô hình kinh doanh mới theo đã phát triển xã hội. Ở giai đoạn đầu của đại dịch Corona mặt hàng khẩu trang, nước rửa tay, các mặt hàng chống khuẩn đã trở nên khan hiếm. Vật giá leo thang một hộp khẩu trang bình thường có giá giao động từ 50-70 nghìn đồng, nhưng khi đại dịch bắt đầu nó đã lên đến 150-300 nghìn đồng. Do nắm bắt được xu thế hiện nay nên nhiều nhà đầu tư đã tiến hành đầu tư thu lợi nhuận bởi mặt hàng này. Đồng thời đã cải tiến sản phẩm của phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng. Lúc trước chúng ta chỉ thường nghe đến khẩu trang y tế, khẩu trang vải... Nhưng ngày nay khẩu trang lại xuất hiện với những tên gọi như K98, khẩu trang chống khuẩn, mặt nạ chống khuẩn... Thứ hai nền kinh tế thị trường luôn thực hiện phát huy tốt nhất tiềm năng của mọi chủ thể, các vùng miền cũng như lợi thế quốc gia trong quan hệ với thế giới. Trong nền kinh tế thị trường, mọi tiềm năng, lợi thế đều có thể được phát huy, đều có thể trở thành lợi ích đóng góp cho xã hội. Thông qua vai trò gắn kết của thị trường mà nền kinh tế thị trường trở thành phương thức hiệu quả hơn hẳn so với nền kinh tế tự cấp tự túc để phát huy tiềm năng, lợi thế từng thành viên, từng vùng miền trong quốc gia của từng quốc gia trong quan hệ với thế giới.

Việt Nam là một nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Ở Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất lúa như khí hậu, đất đai, truyền thống lâu đời... Cùng với đó là sự hội nhập quốc tế tăng cường hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới đã thúc đẩy mạnh mẽ nền kinh tế trao đổi hàng hóa giúp lúa gạo Việt Nam không chỉ tiêu thụ trong nước mà còn xuất khẩu ra các nước trên thế giới. Ba là, nền kinh tế thị trường luôn tạo ra phương thức để thỏa mãn tốt nhất nhu cầu con người, từ đó thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội. Nền kinh tế thị trường với sự tác động của các quy luật thị trường luôn tạo ra sự phù hợp giữa khối lượng, cơ cấu sản xuất với khối lượng, cơ cấu nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Nhờ đó nhu cầu tiêu dùng về các hàng hóa, dịch vụ khác nhau được đáp ứng kịp thời, người tiêu dùng được thỏa mãn nhu cầu cũng như được đáp ứng đầy đủ mọi loại hàng hóa, dịch vụ. Trong nền kinh tế thị trường các

thành viên luôn tìm thấy cơ hội tối đa để thỏa mãn nhu cầu của mình. Nền kinh tế thị trường với sự tác động của các quy luật thị trường luôn tạo ra sự phù hợp giữa khối lượng, cơ cấu tiêu dùng của xã hội. Nhờ đó nhu cầu tiêu dùng về các loại hàng hóa, dịch vụ khác nhau được đáp ứng kịp thời, người tiêu dùng được thỏa mãn nhu cầu cũng như đáp ứng nhiều chủng loại hàng hóa, dịch vụ. Thông qua đó nền kinh tế thị trường trở thành phương thức, đề thúc đẩy văn minh, tiến bộ xã hội. Trước đây ở VN các sản phẩm (gạo, đường, xi măng...) luôn phải được nhập khẩu thì nay sản xuất nội địa đã đảm bảo nhu cầu trong nước và khả năng xuất khẩu. quan hệ cung cầu hàng hóa trên thị trường chuyển từ thiếu hụt sang dư thừa. Và khi nhu cầu con người ngày càng cao thì các nhà sản xuất đòi hỏi phải luôn tạo ra ý tưởng mới độc đáo, sáng tạo, chất lượng cao, giá thành hợp lý nhằm đem đến các lợi ích tốt nhất cho cả người tiêu dùng và nhà sản xuất hàng hóa.

Thực tiễn cũng cho thấy nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có khác với nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Thứ nhất, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phù hợp với quy luật phát triển khách quan. Thứ hai, tính ưu việt của kinh tế thị trường thúc đẩy sự phát triển. Thứ ba, phát triển kinh tế thị trường là phù hợp với nguyện vọng của nhân dân mong muốn dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Vậy ở Việt Nam có những ưu thế gì cho việc phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội. Nhà nước quản lý bằng chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch; sử dụng cơ chế thị trường để giải phóng sức sản xuất. Nhà nước ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm định hướng và tạo môi trường pháp lý cho sự phát triển các thành phần kinh tế và các chủ thể kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, không phải thị trường điều tiết hoàn toàn mà còn có sự điều chỉnh, quản lý của Nhà nước để đạt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, khắc phục những bất cập, khuyết tật của cơ chế thị trường. Về phương tiện, công cụ, động lực của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Kinh tế thị trường được Đảng, Nhà nước sử dụng như một công cụ, phương tiện, một động lực để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cơ chế vận hành của kinh tế thị trường là một cơ chế mở, bị điều tiết bởi các quy luật kinh tế cơ bản: giá trị, cạnh tranh, cung cầu nên kinh tế thị trường tạo ra khả năng kết nối hình thành chuỗi giá trị cho nền sản xuất toàn cầu. Có thể nói, trải qua 35 năm đổi mới, mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện, trở thành đóng góp lý luận cơ bản và sâu sắc của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tại Đại hội XIII, Đảng ta nhận định: “Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ hơn. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường từng bước phát triển đồng bộ, gắn với thị trường khu vực và thế giới”. “Thế chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang dần được hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ và hội nhập” Đường lối đổi mới kinh tế phù hợp với yêu cầu khách quan đã giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất xã hội, thúc đẩy nền kinh tế của nước ta tăng trưởng vượt bậc, đời sống của nhân dân

được cải thiện rõ rệt. Nhờ vậy, sau 35 năm đổi mới, chúng ta đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, trở thành nước có thu nhập trung bình; hội nhập mạnh mẽ vào kinh tế khu vực và thế giới, tạo thế và lực mới cho nền kinh tế. Việt Nam từ một trong những nước nghèo nhất trên thế giới trở thành quốc gia thu nhập trung bình thấp. Nếu như trong giai đoạn đầu đổi mới (1986 - 1990), mức tăng trưởng GDP bình quân hằng năm chỉ đạt 4,4%, thì giai đoạn 1991 - 1995, tăng trưởng GDP bình quân đã đạt 8,2%/năm. Các giai đoạn sau đó đều có mức tăng trưởng khá cao, riêng giai đoạn 2016 - 2019 đạt mức bình quân 6,8. Liên tiếp trong 4 năm, từ năm 2016 - 2019, Việt Nam đứng trong top 10 nước tăng trưởng cao nhất thế giới, là một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất. Đặc biệt, trong năm 2020, trong khi phần lớn các nước có mức tăng trưởng âm hoặc đi vào trạng thái suy thoái do tác động của đại dịch COVID-19, kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng 2,91%, góp phần làm cho GDP trong 5 năm (2016 - 2020) tăng trung bình 5,9%/năm, thuộc nhóm nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới. Quy mô nền kinh tế được nâng lên, nếu như năm 1989 mới đạt 6,3 tỷ USD thì đến năm 2020 đã đạt khoảng 343 tỷ USD. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt cả về vật chất và tinh thần, năm 2020, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 3.500 USD. Các cân đối lớn của nền kinh tế về tích lũy - tiêu dùng, tiết kiệm - đầu tư, năng lượng, lương thực, lao động - việc làm... tiếp tục được bảo đảm, góp phần củng cố vững chắc nền tảng kinh tế vĩ mô. Tính theo chuẩn nghèo chung, tỷ lệ nghèo giảm mạnh từ hơn 70% năm 1990 xuống còn dưới 6% năm 2018; hơn 45 triệu người thoát nghèo trong giai đoạn từ năm 2002 đến năm 2018. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam năm 2020 được xếp thứ 42/131 nước, đứng đầu nhóm 29 quốc gia có cùng mức thu nhập. Xếp hạng về phát triển bền vững của Việt Nam đã tăng từ thứ 88 năm 2016 lên thứ 49 năm 2020, cao hơn nhiều so với các nước có cùng trình độ phát triển kinh tế.

Câu 4 : Tư bản bất biến và tư bản khả biến trong quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa (Ý nghĩa của sự phân biệt này).

Những ai đã và đang tìm hiểu về triết học nói chung cũng như bộ môn kinh tế chính trị nói riêng chắc hẳn đã đều được biết qua những khái niệm, những tác động cũng như các ý nghĩa với sự dài dòng, khó hiểu. Phải chăng vì từ ngữ của nó quá cao siêu nên những người thường như chúng ta khó mà hiểu được. Một trong số đó chính là định nghĩa về tư bản bất biến và tư bản khả biến. Nghe qua thì có vẻ khá khó để hiểu được. Chính vì vậy hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu về khái niệm này, cũng như ý nghĩa của việc phân tích giữa hai hình thức tư bản này trong quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Trước khi đi vào khái niệm của hai hình thức này ta hãy tìm hiểu bản chất của tư bản. Theo C.Mac: Bản chất của tư bản là giá trị đem lại giá trị thặng dư, nó phản ánh quan hệ sản xuất xã hội mà trong đó giai cấp tư sản chiếm đoạt giá trị thặng dư do giai cấp công nhân tạo ra. Tư bản bất biến là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái tư liệu sản xuất mà giá trị được lao động cụ thể của công nhân làm thuê bảo tồn và

chuyển nguyên vẹn vào giá trị sản phẩm, tức là giá trị không biến đổi trong quá trình sản xuất (ký hiệu là c). Tư bản bất biến không tạo ra giá trị thặng dư nhưng là điều kiện cần thiết để cho quá trình tạo ra giá trị thặng dư được diễn ra. Máy móc, nguyên nhiên vật liệu là điều kiện để cho quá trình làm tăng giá trị được diễn ra. Không có máy móc, không có quá trình tổ chức kinh doanh thì đương nhiên không có quá trình sản xuất giá trị thặng dư. Ngày nay máy móc được tự động hóa như người máy, thì người máy cũng chỉ có vai trò là máy móc, chừng nào việc sử dụng sức lao động còn có lợi hơn cho người mua hàng hóa sức lao động so với sử dụng người máy, thì chừng đó nhà tư bản còn sử dụng sức lao động sống của người bán sức lao động làm thuê. Tuy nhiên, cần lưu ý, việc ứng dụng thiết bị công nghệ tiên tiến vào trong sản xuất là tiền đề để tăng năng suất lao động xã hội, do đó, máy móc, công nghệ tiên tiến rất cần thiết cho quá trình làm tăng giá trị. Tư bản bất biến không tạo ra giá trị thặng dư nhưng là điều kiện cần thiết để giá trị thặng dư được diễn ra. Từng bộ phận của tư bản bất biến chuyển giá trị của mình một cách khác nhau vào hàng hóa vừa mới làm ra. Theo tính chất chu chuyển, một bộ phận tư bản bất biến (nhà xưởng, thiết bị và máy móc) hình thành nên tư bản cố định được sử dụng trong nhiều chu kỳ sản xuất thì chuyển dần từng phần giá trị của mình. Bộ phận tư bản bất biến khác (nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phụ) hình thành nên một bộ phận của tư bản lưu động thì bị tiêu dùng hoàn toàn qua một thời kỳ sản xuất trong quá trình sản xuất hàng hóa và chuyển toàn bộ giá trị của mình vào sản phẩm vừa mới làm ra. Tư bản khả biến là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái sức lao động không tái hiện ra, nhưng thông qua lao động trừu tượng của công nhân mà tăng lên, tức biến đổi về số lượng trong quá trình sản xuất (ký hiệu là v). Bộ phận tư bản biến thành sức lao động thì khác. Giá trị của nó được chuyển cho công nhân làm thuê, biến thành tư liệu sinh hoạt cần thiết và mất đi trong quá trình sản xuất sức lao động của công nhân làm thuê. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất, công nhân làm thuê bằng lao động trừu tượng tạo ra giá trị mới với lượng lớn hơn giá trị sức lao động. Như vậy, đến đây, nếu gọi G là giá trị hàng hóa thì có thể công thức hóa về giá trị hàng hóa thì có thể công thức hóa về giá trị hàng hóa dưới dạng như sau: $G = c + (v+m)$ Trong đó: (v+m) là giá trị mới của hàng hóa, do hao phí lao động sống tạo ra; c là giá trị của những tư liệu sản xuất đã được tiêu dùng, là bộ phận lao động quá khứ đã được kết tinh trong máy móc, nguyên nhiên vật liệu. Bộ phận này được lao động sống chuyển vào giá trị sản phẩm mới. Thông qua việc bán hàng hóa sức lao động, người lao động được trả tiền công. Tư bản khả biến còn là một tham số để tính tỷ suất giá trị thặng dư (m') Việc phân chia cấp phạm trù trên sẽ vạch rõ bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản, chỉ có lao động của công nhân làm thuê mới tạo ra giá trị thặng dư cho chủ nhà tư bản.

Việc phân chia tư bản ứng trước thành tư bản bất biến (c) và tư bản khả biến (v) là dựa vào vai trò của từng bộ phận tư bản trong quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư. Ở đây việc phân chia tư bản thành tư bản cố định và tư bản lưu động là đặc điểm riêng của tư bản sản xuất và căn cứ của sự phân chia là phương thức chuyển dịch giá trị của chúng vào sản phẩm trong quá trình sản xuất, hay dựa vào phương thức chu chuyển của tư bản. Trong xã hội chủ nghĩa, người công nhân tạo ra một giá trị, xét về quy mô thì vượt quá những chi phí về tiền lương, nghĩa là tạo ra giá trị thặng dư. Do đó, giá trị của tư bản ứng trước không những được bảo tồn trong quá

trình tạo ra giá trị mới, mà còn tăng thêm một đại lượng bằng đại lượng của giá trị thặng dư. Mac là người đầu tiên tìm ra việc phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến. Giá trị thặng dư chỉ là số tăng thêm của tư bản khả biến điều đó đã chỉ rõ nguồn gốc thực sự của việc tạo ra giá trị thặng dư. Phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến vạch rõ nguồn gốc của giá trị thặng dư là do lao động làm thuê của công nhân tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không. Hiện nay, giai cấp tư sản sử dụng máy móc hiện đại tự động hóa quá trình sản xuất đối với một số sản phẩm. Trong điều kiện sản xuất như vậy, tư bản bất biến có vai trò quan trọng quyết định việc tăng năng suất lao động, nhưng cũng không thể coi đó là nguồn gốc của giá trị thặng dư. Suy đến cùng, bộ phận tư bản khả biến tồn tại dưới hình thức sức lao động (chân tay và trí óc) mới là nguồn gốc sinh ra giá trị thặng dư Tư bản chủ nghĩa. Như vậy, C.Mác đã chỉ ra vai trò khác nhau của các bộ phận tư bản trong quá trình hình thành giá trị nhờ sự phân chia này.

Câu 5: Đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay

Lịch sử xã hội Việt Nam đã trải qua nhiều mô hình kinh tế khác nhau. Từ thời kì dựng nước đến giữ nước như ngày nay nhiều mô hình đã xuất hiện như nền kinh tế tự nhiên; kinh tế tự cung, tự cấp; kinh tế hàng hóa giản đơn; kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp; kinh tế thị trường tức là mô hình kinh tế phát triển ở tốc độ cao. Mỗi mô hình kinh tế đều sẽ có những nét đặc trưng cũng như vai trò riêng. Trong quá trình hoạt động thực tiễn thì mô hình kinh tế thị trường chính là mô hình kinh tế nổi bật nhất, có nhiều tính vượt trội so với các mô hình khác. Chẳng hạn, nó tạo động lực để thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh hơn, có hiệu quả hơn, cung cấp cho thị trường hàng hóa và dịch vụ ngày càng nhiều hơn, phong phú, đa dạng về chủng loại, mẫu mã hàng hóa. Ở Việt Nam, đang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) với những đặc trưng riêng, phù hợp điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Vậy kinh tế thị trường là gì ?

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vận hành theo các quy luật của thị trường, đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập một xã hội mà ở đó dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, có sự điều tiết của Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Sự hình thành kinh tế thị trường là khách quan trong lịch sử. từ kinh tế tự nhiên, tự túc, kinh tế hàng hóa rồi từ kinh tế hàng hóa phát triển thành kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường cũng trải qua ở những giai đoạn phát triển khác nhau từ kinh tế thị trường sơ khai đến kinh tế thị trường hiện đại như ngày hôm nay. Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại. Tại Đại hội IX (năm 2001), Đảng ta chính thức đưa ra khai niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, coi đó là mô hình tổng quát, là đường lối chiến lược nhất quán của Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đến nay, đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xác định ngày càng sâu sắc.

Vậy nền kinh tế thị trường có những đặc trưng chủ yếu nào ? Thứ nhất có sự đa dạng của các chủ thể kinh tế, nhiều hình thức sở hữu. Các chủ thể kinh tế đều bình

đăng trước pháp luật. Trước đổi mới, nền kinh tế nước ta chỉ có một chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất là chế độ công hữu (gồm sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể). Từ khi tiến hành đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam thừa nhận trên thực tế có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, bao gồm cả công hữu và tư hữu. Thứ hai thị trường sẽ đóng vai trò quyết định, phân bổ các nguồn lực xã hội thông qua hoạt động của các bộ phận như thị trường hàng hóa, thị trường dịch vụ, thị trường sức lao động, thị trường tài chính, thị trường bất động sản.... Thực hiện phân phối theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, dựa trên các nguyên tắc của cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, từ chỗ coi Nhà nước là chủ thể quyết định phân phối chuyển dần sang xác định thị trường quyết định phân phối lần đầu và Nhà nước thực hiện phân phối lại. Thứ ba giá cả sẽ được hình thành theo nguyên tắc thị trường, cạnh tranh là môi trường thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh. Động lực trực tiếp của các chủ thể kinh doanh là lợi nhuận và lợi ích kinh tế xã hội khác. Nhà nước vừa là chủ thể thực hiện chức năng kinh tế, quản lý, thực hiện khắc phục những khuyết tật của thị trường thúc đẩy những yếu tố tích cực đảm bảo sự bình đẳng xã hội và sự ổn định của toàn bộ nền kinh tế. Kết hợp giữa cơ chế thị trường với vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tại Hội nghị Trung ương 6 khóa X, tháng 3-2008, Đảng ta khẳng định, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế vừa tuân theo quy luật của thị trường, vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội và các yếu tố bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây cũng là nền kinh tế có tổ chức, có kế hoạch, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, không phát huy những ưu thế của kinh tế thị trường và kinh tế kế hoạch, vừa loại bỏ những khuyết tật của hai nền kinh tế đó, nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội. Nhà nước quản lý bằng chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch; sử dụng cơ chế thị trường để giải phóng sức sản xuất. Nhà nước ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm định hướng và tạo môi trường pháp lý cho sự phát triển các thành phần kinh tế và các chủ thể kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, không phải thị trường điều tiết hoàn toàn mà còn có sự điều chỉnh, quản lý của Nhà nước để đạt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, khắc phục những bất cập, khuyết tật của cơ chế thị trường. Thứ tư đó là nền kinh tế mới, thị trường trong nước quan hệ mật thiết với thị trường quốc tế. Về mục tiêu: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phương thức để phát triển lực lượng sản xuất nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” Ví dụ: Với nền kinh tế thị trường tư bản ở Mỹ, họ sẽ tập trung đầu tư các thành phố lớn, phát triển thành phố đó, còn nước ta thì lại đầu tư ở các tỉnh nông thôn chưa phát triển để quá trình đô thị hoá tiến đến phát triển các tỉnh ở nông thôn, cân bằng để phát triển cả nước. Về quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế: Nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng, kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là

nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập tự chủ. Ví dụ: Hiện nay có những tác giả đã có cách nhìn cực đoan về sở hữu ở các nước: họ cho rằng ở các nước phương Tây-TBCN, dựa vào sở hữu tư nhân, ở nước ta dựa vào chế độ công hữu và cho rằng nền kinh tế ở nước ta không phải là nền kinh tế thị trường. Về quan hệ quản lý nền kinh tế: Nhà nước quản lý và thực hành cơ chế quản lý là nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản làm chủ. Ví dụ: Hoạt động đầu tư xây dựng và khai thác các công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi ở nông thôn, đầu tư cải tạo một vùng đất hoang. Về quan hệ phân phối: Thực hiện phân phối công bằng các yếu tố sản xuất, tiếp cận và sử dụng các cơ hội và điều kiện phát triển của mọi chủ thể kinh tế (phân phối đầu vào) đồng thời phân phối kết quả làm ra (đầu ra) chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua hệ thống an ninh, xã hội. Ví dụ: Trong trường hợp nhà nước quy định mức thuế quá cao. Phân phối là một mặt của quan hệ sản xuất do quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất quyết định. Về quan hệ giữa gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội: Đây là đặc trưng phản ánh thuộc tính quan trọng mang tính định hướng XHCN nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Bởi tiến bộ và công bằng xã hội vừa là điều kiện bảo đảm cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế, vừa là mục tiêu thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta phải thực hiện thực hoá từng bước trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ví dụ: Hiện nay, so với 177 quốc gia và vùng kinh tế trên thế giới, tuy GDP/ đầu người của Việt Nam xếp thứ 122, nhưng các chỉ số xã hội quan trọng đều ở vị trí khá cao: HDI thứ 105, tuổi thọ thứ 56, trình độ học vấn thứ 57. Những kết quả trên càng cho ta thấy đường lối đúng đắn và sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Như vậy, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là sự kết hợp những mặt tích cực, ưu điểm của kinh tế thị trường với bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội để hướng tới một nền kinh tế thị trường hiện đại, văn minh. Tuy nhiên, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đang trong quá trình hình thành và phát triển tất sẽ còn bộc lộ nhiều yếu kém cần phải khắc phục và hoàn thiện.

Câu 6. Vai trò của cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của xã hội (

Sinh viên cần phải làm gì để xây dựng và phát triển đất nước trong bối cảnh công nghiệp 4.0?)

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất bắt đầu xuất hiện vào cuối thế kỷ 18 được gọi là cuộc cách mạng hơi nước. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai gắn liền với công cuộc điện khí hóa diễn ra từ cuối thế kỷ 19. Bắt đầu từ nửa sau thế kỷ 20 đã xảy ra Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba, điểm đặc trưng của cuộc cách mạng này là các thành tựu của điện tử, Internet và tự động hóa. Ngày nay, chúng ta đang nói đến Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gọi tắt là Cách mạng công nghiệp 4.0 với đặc điểm là số hóa dữ liệu hoàn toàn, các quá trình sản xuất được kết nối theo

cả chiều ngang và chiều dọc, được điều khiển trên diện rộng qua Internet và áp dụng các công nghệ mới (AI, big data...) để phân tích xử lý dữ liệu trong thời gian thực.

Cách mạng công nghiệp là những bước phát triển nhảy vọt về chất trình độ của tư liệu lao động trên cơ sở những phát minh đột phá về kỹ thuật và công nghiệp trong quá trình phát triển của nhân loại kéo theo sự thay đổi căn bản về phân công lao động cũng như tạo bước phát triển năng suất lao động cao hơn hẳn nhờ áp dụng một

cách p h o b i e n n h u n g t i n h n a n g m a i t r o n g k y t h u a t c o n g n g i e p c o n g n g h e d o v a o d o i s o n g x a h o i c o n g n g h i e p 4 0 t h e p h e p c a c h a m y s o n g m i n h , s a n p h a m t h o n g m i n h v a c h u o i

cung ứng cũng thông minh, và làm cho các hệ thống sản xuất và dịch vụ trở nên linh hoạt và đáp ứng khách hàng hơn. Các thuộc tính của hệ thống sản xuất và dịch vụ với Công nghiệp 4.0 đã được nêu bật. Những lợi ích mà Công nghiệp 4.0 mang lại cho các doanh nghiệp đã được thảo luận. Trong tương lai, công nghiệp 4.0 dự kiến sẽ còn phát triển mạnh mẽ hơn nữa và do đó các doanh nghiệp cần sẵn sàng đề chuẩn bị cho một sự đổi mới liên tục để cập nhật các xu hướng hiện đại sắp tới... Giai cấp công nhân Việt Nam là giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Trước tác động to lớn của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đang đứng trước những cơ hội và thách thức to lớn. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là sự kết hợp của công nghệ trong các lĩnh vực vật lý, công nghệ số và sinh học, tạo ra những khả năng sản xuất hoàn toàn mới và có tác động sâu sắc đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của thế giới. Có thể khái quát bốn đặc trưng chính của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Một là, dựa trên nền tảng của sự kết hợp công nghệ cảm biến mới, phân tích dữ liệu lớn, điện toán đám mây và kết nối internet vạn vật sẽ thúc đẩy sự phát triển của máy móc tự động hóa và hệ thống sản xuất thông minh. Hai là, sử dụng công nghệ in 3D để sản xuất sản phẩm một cách hoàn chỉnh nhất thể hóa các dây chuyền sản xuất không phải qua giai đoạn lắp ráp các thiết bị phụ trợ - công nghệ này cũng cho phép con người có thể in ra sản phẩm mới bằng những phương pháp phi truyền thống, bỏ qua các khâu trung gian và giảm chi phí sản xuất nhiều nhất có thể. Ba là, công nghệ nano và vật liệu mới tạo ra các cấu trúc vật liệu mới ứng dụng rộng rãi trong hầu hết các lĩnh vực. Bốn là, trí tuệ nhân tạo và điều khiển học cho phép con người kiểm soát từ xa, không giới hạn về không gian, thời gian, tương tác nhanh hơn và chính xác hơn.

Đứng trước sự thay đổi của đất nước ở cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nước ta cũng có những điều kiện thuận lợi cũng như khó khăn, thách thức... Đầu tiên về thuận lợi giai cấp công nhân Việt Nam có số lượng đang tăng lên. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, hiện nay, tổng số công nhân nước ta chiếm tỷ lệ khoảng 13% số dân và 24% lực lượng lao động xã hội, bao gồm số công nhân làm việc trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong nước; đang làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài; số lao động giản đơn trong các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể. Dự báo đến năm 2020, giai cấp công nhân có khoảng 20,5 triệu người. Công nhân trong doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh; ngược lại, công nhân trong doanh nghiệp nhà nước ngày càng giảm về số lượng.

Trình độ học vấn và trình độ chuyên môn, nghề nghiệp, chính trị của giai cấp công nhân ngày càng được cải thiện. Số công nhân có tri thức, nắm vững khoa học - công nghệ tiên tiến tăng lên. Công nhân trong các khu công nghiệp, các doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài được tiếp xúc với máy móc, thiết bị tiên tiến, làm việc với các chuyên gia nước ngoài nên được nâng cao tay nghề, kỹ năng lao động, rèn luyện tác phong công nghiệp, phương pháp làm việc tiên tiến. Lớp công nhân trẻ được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp ngay từ đầu, có trình độ học vấn, văn hóa, được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất hiện đại, sẽ là lực lượng lao động chủ đạo, có tác động tích cực đến sản xuất công nghiệp, giá trị sản phẩm công nghiệp, gia tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế trong tương lai... Hai là, về khó khăn, trước yêu cầu của sự phát triển, giai cấp công nhân nước ta còn nhiều hạn chế, bất cập. “Sự phát triển của giai cấp công nhân chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng, cơ cấu và trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; thiếu nghiêm trọng các chuyên gia kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề; tác phong công nghiệp và kỷ luật công nhân lao động còn nhiều hạn chế; đa phần công nhân từ nông dân, chưa được đào tạo cơ bản và có hệ thống”. Chúng ta đang ở trong giai đoạn cơ cấu “dân số vàng”. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế lại chưa tương thích với quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động. Để hướng đến một nền sản xuất công nghiệp hiện đại, số lượng giai cấp công nhân lao động công nghiệp chỉ chiếm khoảng 24% lực lượng lao động xã hội là tỷ lệ còn thấp. Mặt bằng chung trình độ văn hóa và tay nghề của công nhân nước ta dù được cải thiện, song vẫn còn thấp, đã ảnh hưởng không thuận đến việc tiếp thu khoa học - kỹ thuật, đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, với tốc độ tăng năng suất lao động như hiện nay, thì phải đến năm 2038, năng suất lao động của công nhân Việt Nam mới bắt kịp Philippines, năm 2069 chúng ta mới bắt kịp được Thái Lan. Do đó, nếu không tập trung đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có kế hoạch đào tạo đón đầu, thì chúng ta sẽ bị thiếu hụt nghiêm trọng về lao động khi các dự án lớn đầu tư vào Việt Nam. Một thực trạng đáng quan tâm khác là tỷ lệ thất nghiệp của những người đã qua đào tạo đang ngày càng cao...

Nếu chúng ta biết cách tận dụng những điểm mạnh cũng như biến những điểm yếu thành điểm mạnh thì sẽ phát huy tốt nhất vai trò của cuộc cách mạng 4.0. Nắm bắt được xu hướng phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0 Đảng và Nhà nước ta đã đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật cụ thể liên quan đến vấn đề này. Ngày 04/5/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về tăng cường năng lực tiếp cận công nghiệp 4.0 để nắm bắt cơ hội, đưa ra các giải pháp thiết thực góp phần đáp ứng yêu cầu cấp bách, giúp nước ta tận dụng tối đa các lợi thế, đồng thời giảm thiểu những tác động tiêu cực đối với Việt Nam. Ngày 01/01/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước. Đây được coi là chủ trương đúng đắn thể hiện những “bước đi” thận trọng, chắc chắn, sự quyết tâm của Việt Nam nhằm tận dụng được những cơ hội mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại. Có thể nhận thấy những lợi ích mà cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại cho nước ta đó là: Đầu tiên là thúc đẩy, phát triển lực lượng sản xuất. Cách mạng công nghiệp có vai trò to lớn trong phát triển nguồn nhân lực, nó vừa đặt ra những đòi hỏi về chất lượng,

nguồn nhân lực ngày càng cao những vật khác lại tạo điều kiện để phát triển nguồn nhân lực. Cách mạng công nghiệp tạo cơ hội cho các nước phát triển nhiều ngành kinh tế và những ngành mới thông qua mở rộng ứng dụng những thành tựu về công nghệ thông tin, công nghệ số, công nghệ sinh học,... thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế mới theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế. Hai là thúc đẩy hoàn thiện quan hệ sản xuất cách mạng công nghiệp tạo sự phát triển nhảy vọt về chất trong lực lượng sản xuất và sự phát triển này tất yếu dẫn đến quá trình điều chỉnh phát triển và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội và quản trị phát triển. cuộc cách mạng lần thứ hai đầy nhanh quá trình xã hội hóa sản xuất thúc đẩy chủ nghĩa tư bản chuyển biến từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền làm tăng mâu thuẫn chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn này. Ba là thúc đẩy mọi phương thức quản trị phát triển. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba làm cho sản xuất xã hội có những bước tiến nhảy vọt. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư không chỉ là sự phát triển của công nghệ cao có khả năng kết hợp và tạo ra một mạng lưới trao đổi thông tin giữa tất cả mọi vật. Mà nó còn tạo điều kiện cho nhiều lĩnh vực phát triển như gen công nghệ, nano năng lượng tái tạo máy tính lượng tử ... Đưa kinh tế thế giới bước vào giai đoạn tăng trưởng.

Là một sinh viên cũng như tương lai của đất nước. Đất nước có giàu đẹp và phồn thịnh được không là phụ thuộc một phần lớn từ thanh niên. Mỗi chúng em đều hiểu được sứ mệnh của bản thân. Vì vậy ngay từ lúc này với những trái tim rực lửa những khát khao cháy bỏng chúng em mỗi ngày đều cố gắng nỗ lực để hoàn thành mục tiêu, ước mơ của chính bản thân mình. Bên cạnh đó cũng góp phần đưa đất nước ngày càng phát triển, đưa đất nước sánh vai với các cường quốc năm châu đặc biệt là trong giai đoạn công nghiệp 4.0 như ngày hôm nay. Mỗi chúng em đều ý thức rõ rằng Chúng em phải cân trau dồi khả năng ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ vào thực tiễn. Bên cạnh đó cần phải bổ sung thêm vốn ngoại ngữ cho bản thân cũng như là mở rộng thêm cơ hội nghề nghiệp. Song song với đó kỹ năng mềm cũng là một điều quan trọng, những kỹ năng đó biết đâu sẽ giúp chúng ta tạo ấn tượng tốt với các doanh nghiệp, các nhà đầu tư cũng như là các nhà tuyển dụng sau này. Em cần phải tích cực học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, bồi đắp tư tưởng cách mạng trong sáng. Phải có lập trường tư tưởng vững vàng, có lòng yêu nước, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sự nghiệp mới. Tích cực tham gia vào các cuộc đấu tranh bảo vệ Đảng, Nhà nước, đấu tranh chống tham nhũng, tệ nạn xã hội... Luôn học tập tốt để nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, kỹ thuật và tay nghề... Cần tích cực tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Tự nguyện, tự giác tham gia vào các hội của thanh niên, phần đầu trở thành đoàn viên, đảng viên xuất sắc. Em cần phải tích cực tham gia vào việc xây dựng môi trường xã hội lành mạnh và môi trường sinh thái trong lành, sạch đẹp. Tích cực tham gia phòng chống ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Cần phải xung kích đi đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh. Tích cực tham gia các chương trình, dự án của địa phương; tự nguyện, tự giác tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia các hoạt động bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn an ninh trật tự an toàn xã hội. Chủ động tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế; tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu; tham gia vào công tác ngoại giao nhân dân để nâng tầm ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế; chủ động và tham gia có hiệu

quả vào giải quyết các vấn đề toàn cầu như: giữ gìn hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, hạn chế sự bùng nổ dân số, phòng ngừa và đẩy lùi các dịch bệnh hiểm nghèo... Vì một đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội, công bằng, dân chủ, văn minh.